TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/ST-HNGĐ
Ngày: 06 - 01- 2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tuyến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu
Ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký viên chính Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST ngày 04 tháng 3 năm 2020, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1703/2020/QĐ-ST ngày 10/11/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thuỳ N, sinh năm 1991
Địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh S, sinh năm 1991
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Hàn Quốc theo địa chỉ: 23 – 9 G – ro 126 b– gil, seogu incheon Republic of Korea. Vắng mặt

Thân nhân của anh Lê Minh Sơn: Ông Lê Minh V, sinh năm 1949 - Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện đề ngày 12/02/2020 về việc ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N và anh Lê Minh S yêu nhau và cả hai cùng đi đến hôn nhân, đã đăng ký kế hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thiếu sự thông cảm, tin tưởng nhau. Tháng 9/2015 chị Na về nhà bố mẹ đẻ của chị N ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Năm 2017 anh Sơn đi lao động tại Hàn Quốc. Từ

năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay cả hai cùng xác định tình cảm không còn nên cùng thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Minh S gửi về cho Toà án trình bày tại đơn yêu cầu công nhận thoả thuận ly hôn, bản tự khai đề ngày ngày 10/02/2020, anh trình bày:* Anh và Nguyễn Thị Thuỳ N yêu nhau và đã đăng ký kế hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/6/2013 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống khá hạnh phúc nhưng dần sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, do cuộc sống nên anh phải đi nước ngoài làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, nay vợ chồng nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để mỗi người có cuộc sống riêng của người đó anh đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung và tài sản chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, đông thời anh có đơn xin được giải quyết vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thuỳ N xác nhận nội dung và chữ viết tại đơn yêu cầu công nhận thoả thuận ly hôn, bản tự khai, đơn trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10/02/2020 (người viết Lê Minh S) là do anh S gửi từ Hàn Quốc về đúng là chữ viết của anh Lê Minh S chồng chị.

Ngày 28/10/2020, ông Lê Minh V, sinh năm 1949 - Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (là bố đẻ của bị đơn anh Lê Minh S) có bản tự khai, ông trình bày: Việc kết hôn anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Thuỳ N đúng như anh chị Trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng S, N sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai con tính tình không hợp nhau nên đã ly thân. Việc chị N làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông được đọc các giấy tờ của anh Lê Minh S gửi cho Toà án gồm đơn yêu cầu công nhận thoả thuận ly hôn, bản tự khai, đơn trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày ngày 10/02/2020 (viết trên giấy màu vàng) ông xác định đúng là chữ viết của anh Lê Minh S con trai ông.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được công văn số 6734/QLXNC-P5 ngày 19/5/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an với nội dung: Anh Lê Minh S, sinh ngày 10/02/1991 đã xuất cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 21/10/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 07/5/2020 và ngày 09/9/2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến lập hồ sơ uỷ thác cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tống đạt các văn bản và giấy triệu tập của Toà án đối với bị đơn anh Lê Minh S. Ngày 29/10/2020, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được biên bản xác nhận về việc đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản của Toà án đối với anh Lê Minh S nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hoà giải vào các ngày 08/9/2020 và ngày 06/10/2020, nguyên đơn chị N có mặt, bị đơn anh Lê Minh S vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thuỳ N và anh Lê Minh S được ly hôn. Về quan hệ con chung và tài sản chung không xem xét. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuỳ N, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã T, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đối với bị đơn anh Anh Lê Minh S, sinh năm 1991 - Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại Hàn Quốc theo địa chỉ: 23 – 9 G – ro 126 b – gil, seogu incheon Republic of Korea. Trong thời gian Toà án thụ lý giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Minh S đang cư trú tại nước ngoài, do đó căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLTTDS đối với các đương sự. Bị đơn anh Lê Minh S đang ở nước ngoài nên Toà án đã tiến hành uỷ thác thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Toà án đến bị đơn anh Lê Minh S nhưng không có kết quả.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ N có mặt. Bị đơn anh Lê Minh S vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Navà anh Lê Minh S có quá trình tìm hiểu yêu nhau và tiến tới hôn nhân một cách tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/6/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Lê Minh S và chị Nguyễn Thị Thuỳ N thống nhất cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng tính tình không hoà hợp, vợ chồng ly thân từ năm 2015. Năm 2017, anh Sơn đi làm ăn tại Hàn Quốc từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết Toà án nhận được đơn yêu cầu công nhận thoả thuận ly hôn, bản tự khai, đơn trình bày và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày ngày 10/02/2020 mang tên Lê Minh S do chị N nộp trực tiếp cho Toà án. Theo chị

N trình bày do anh Sơn đi không để lại các giấy tờ có chữ viết của anh S nên không có tài liệu so sánh để đề nghị giám định, chị khẳng định các giấy tờ này đúng là chữ viết của anh Lê Minh S. Ông Lê Minh V là bố đẻ của anh Lê Minh S có bản tự khai đề ngày 28/10/2020 và tại phiên toà hôm nay ông thống nhất trình bày anh Lê Minh S con trai ông hiện nay đang đi lao động tại Hàn Quốc, anh S thường xuyên liên lạc với ông, anh S biết việc chị Nguyễn Thị Thuỳ N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn, anh cũng mong muốn được ly hôn; các giấy tờ mà chị N nộp cho Toà án mang tên Lê Minh S ông đã được xem và đọc, ông xác nhận đúng là chữ viết của anh Lê Minh S con trai ông. Ông đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N và anh S được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ N và ông Lê Minh V là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S, chị N đều có nguyện vọng xin ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N để xử cho chị Na được ly hôn anh Lê Minh S.

2.2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N và anh Lê Minh S không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N và anh Lê Minh S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 235, khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N và anh Lê Minh S được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3.Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị Thuỳ N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0007854 ngày 24/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ N có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh S biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P3);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyến